

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 371 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/3/2024;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2024/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh HH**, sinh năm 1998; cư trú tại: thôn An Thọ, xã A, huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội.

- **Chị LY**, sinh năm 2002; cư trú tại: Bản Lào, xã Thanh Lương, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tình cảm: Anh HH và chị LY kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội ngày 22/12/2022, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh HH và chị LY phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên cùng xin thuận tình ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn của anh HH và chị LY thực sự trầm trọng, nguyện vọng xin ly hôn của anh chị là chính đáng, nên Tòa chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh HH và chị LY.

[2] Về con chung: Anh HH và chị LY có 01 (một) con chung là cháu Đ, sinh ngày 09/5/2023. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận giao cháu Đ cho chị LY trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh HH tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là

2.000.000đ/1 tháng (Hai triệu đồng/ 1tháng) kể từ tháng 03/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh HH có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung vợ chồng: Anh HH và chị LY không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Anh HH và chị LY không vay nợ ai và cũng không cho ai vay, nếu sau khi ly hôn có phát sinh về công nợ anh chị chịu trách nhiệm.

[5] Về lệ phí: Anh HH tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

***1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh HH và chị LY;

- *Về con chung:* Giao cháu Đ, sinh ngày 09/5/2023 cho chị LY trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi nuôi con.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh HH tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/1 tháng (Hai triệu đồng/1tháng) kể từ tháng 03/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Anh HH có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung:* Anh HH và chị LY không có.

- *Về nợ chung:* Anh HH và chị LY cam kết không có vay chung, nếu sau khi ly hôn có phát sinh về công nợ chung anh chị chịu trách nhiệm.

***2. Về lệ phí Tòa án:*** Anh HH tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình. Xác nhận anh HH đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức theo biên lai thu số 0005567 ngày 08/3/2024.

**3.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhân:**

- Các bên đương sự;
- VKS huyện Hoài Đức;
- UBND xã A, Hoài Đức,
- Hà Nội (GCNKH số 167/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Văn Nghiêm**